

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CCB/MT-KHTH ngày 14/10/2026)
3569

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Loại khoản	Dự toán trước điều chỉnh	Điều chỉnh lần 19	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí		48.500	-	48.500	
1.1	Lệ phí				-	
1.2	Phí		48.500	-	48.500	
	- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp		48.000		48.000	
	- Phí bảo vệ môi trường đối với khí thải		500		500	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		-	-	-	
2.1	Lệ phí				-	
2.2	Phí		-	-	-	
	- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp				-	
	- Phí bảo vệ môi trường đối với khí thải				-	
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		48.500	-	48.500	
3.1	Lệ phí				-	
3.2	Phí		48.500	-	48.500	
	- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp		48.000		48.000	
	- Phí bảo vệ môi trường đối với khí thải		500		500	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	340-341	40.181	(2.688)	37.493	
1	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	340-341	36.972	(1.500)	35.472	
1.1	Kinh phí tự chủ/thường xuyên	340-341	19.607	-	19.607	
	- Quỹ tiền lương		12.985	-	12.985	
	+ Kinh phí thực hiện MLCS (1,49trđ)	340-341	8.268		8.268	
	+ Kinh phí thực hiện tăng MLCS (2,34 trđ-	340-341	4.717		4.717	
	- Chi hoạt động	340-341	6.622		6.622	
1.2	Kinh phí không tự chủ/thường xuyên		17.365	(1.500)	15.865	
1.2.1	Chế độ/chính sách cho con người		15.895	(1.000)	14.895	
	- Nguồn CCTL		13.857	-	13.857	
	+ Thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù	340-341	12.984		12.984	
	+ Quỹ tiền thưởng	340-341	873		873	
	- Kinh phí trợ cấp thôi việc	340-341	500		500	
	- Kinh phí thực hiện các hoạt động chăm lo Tết Bính Ngọ năm 2026	340-341	136		136	
	- Hỗ trợ tiền thuê nhà	340-341	1.402	(1.000)	402	
1.2.2	Chi mua sắm		281	-	281	

	- Kinh phí mua sắm tài sản cố định	340-341	281		281	
1.2.3	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp		616	(55)	561	
	- Sửa chữa trụ sở Chi cục Bảo vệ môi	340-341	616	(55)	561	
1.2.4	Nhiệm vụ chuyên môn		573	(445)	128	
	- Kinh phí phục vụ công tác thu phí, lệ phí	340-341	521	(445)	76	
	- Kinh phí ISO	340-341	52		52	
2	Chi bảo vệ môi trường "Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác"		3.209	(1.188)	2.021	
	- Kiểm tra việc chấp hành các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với các dự án, cơ sở, doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh - thương mại - dịch vụ trên địa bàn thành	250-278	-		-	
	- Kiểm tra, giám sát đột xuất theo chỉ đạo việc chấp hành các yêu cầu bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố	250-278	124		124	
	- Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030	250-278	84		84	
	- Triển khai các CTLT phối hợp hành động bảo vệ môi trường với UBND TP và các tổ chức thành viên	250-278	243	(90)	153	
	- Chương trình truyền thông phổ biến kiến thức, pháp luật về bảo vệ môi trường dành	250-278	131		131	
	- Triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường, giáo dục và truyền thông về bảo vệ môi trường trong trường học	250-278	965	(78)	887	
	- Kiểm tra thực tế quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	250-278	1.662	(1.020)	642	

Ngày 14 tháng 10 năm 2026

Chi cục trưởng



Trần Minh Quân